

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 9- 2020.

V/v tranh chấp HNGĐ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Văn Nhạ và bà Lê Thị Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ma Văn Chung, là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Nông Thiêm Mẫn – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16, 17 tháng 7; ngày 17 tháng 8; ngày 01 tháng 9 và ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXX-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16/7/2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2020; Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số: 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2020; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số: 01/2020/HNGĐ ngày 01/9/2020 và Thông báo tiếp tục phiên tòa số 01/2020/TB-TA ngày 04/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bàn Thị H, sinh năm 19xx, Có mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

2. Bị đơn: Anh Nông Văn Vinh, sinh năm 19xx, Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn x, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Người có quyền lợi liên quan: Anh Bàn Văn L, sinh năm: 19xx, có mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản ghi lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Bàn Thị H trình bày:**

- Về lựa chọn tòa án giải quyết: Hiện nay, chị có hộ khẩu thường trú và cũng là nơi cư trú tại thôn K, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Còn anh Nông Văn V trước đây có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã L (Nay là xã S – sau đây viết theo tên mới là xã S), huyện N, tỉnh Bắc Kạn, nhưng hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn x, xã Đ,

huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nay cả anh V và chị H đều thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn giải quyết việc ly hôn và quyền nuôi con chung.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh V xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L (Nay là xã S), huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm không thể khắc phục được, nên từ năm 2017 đến nay chị đã sống ly thân với anh V. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tiếp tục kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

- **Về con chung:**

Trong hôn nhân vợ chồng sinh được 01 con chung là Nông Văn Đ, sinh ngày 0x/xx/20xx. Hiện nay con Đ đang ở với anh V tại thôn x, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh V được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Đ đến khi con đủ 18 tuổi. Do hiện nay chị không có việc làm, không có thu nhập ổn định nên chị nhất trí với ý kiến của anh V về việc chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V.

- **Về tài sản riêng, chung:**

Về tài sản chung: Có 01 ngôi nhà gắn liền diện tích đất ở tại thôn X, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn và 01 chiếc máy cày, 01 chiếc máy cưa lóc. Còn tại thôn x, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vợ chồng còn có 01 vườn tiêu và 01 thửa đất ở. Nay ly hôn, chị không yêu cầu tòa án giải quyết các tài sản chung trên. Riêng đối với 01 chiếc máy cày và 01 chiếc máy cưa lóc đã trình bày ở trên, thì khi chị và anh V vào Nam làm kinh tế thì 02 tài sản này để lại không sử dụng và anh V đã gọi điện cho anh trai chị là Bàn Văn L lấy về sử dụng. Anh trai chị đã trả cho anh V số tiền 3.000.000,đ cho các tài sản trên. Do vậy, đối với tài sản là 01 chiếc máy cưa lóc và 01 chiếc máy cày do anh V và anh L tự giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung, riêng: Trong hôn nhân vợ chồng không vay hay cho ai vay tài sản gì khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị không có yêu cầu lưu cư tại ngôi nhà của vợ chồng tại thôn X, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn sau ly hôn.

*** Theo biên bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Nông Văn V trình bày:**

- Về lựa chọn Tòa án giải quyết: Hiện nay anh có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn x, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nay chị H có đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn thì anh nhất trí lựa chọn Tòa án nhân dân huyện N giải quyết việc ly hôn giữa chị H với anh. Đồng thời do anh ở xa nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh trong các giai đoạn tố tụng tiếp theo cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- Về quan hệ hôn nhân: Nhất trí với nội dung trên của chị H và nhất trí ly hôn với chị H.

- Về con chung: Yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

con chung là Nông Văn Đ, sinh ngày 0x/xx/20xx. Hiện nay con Đ đang ở với anh tại thôn x, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nay ly hôn, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Tuy nhiên, nếu chị H có điều kiện thì đề nghị chị H tự nguyện cấp tiền nuôi con chung cho anh và gửi tiền nuôi con về tài khoản: xxxxxxxxxxxxxx, Ngân hàng AgriBank tỉnh Đắk Nông, chủ tài khoản: Nông Văn V.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc chị H trình bày về tài sản chung ở trên là không đúng vì đó là tài sản riêng của anh.

- Về tài sản riêng: Có 01 ngôi nhà gắn liền đất ở tại thôn X, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn và 01 chiếc máy cưa Lóc, 01 chiếc máy cày. Đối với diện tích đất và tài sản trên đất tại thôn x, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông là 500 cây tiêu (Từ lúc chị H bỏ nhà đi chỉ trồng được 180 trụ tiêu) + 300 cây cà phê là do anh tự trồng. Tài sản riêng của anh nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng đối với 01 chiếc máy cày hiện nay còn giá trị là khoảng 16.000.000,đ và 01 chiếc máy cưa lóc có giá trị khoảng 3.000.000,đ. Số tài sản này chị H đã mang về nhà mẹ đẻ tại thôn K, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn chứ anh không được bán cho anh Bàn Văn L; anh không được ủy quyền cho ai bán chiếc máy cưa lóc và chiếc máy cày; anh không được nhận số tiền 3.000.000,đ do anh Bàn Văn L chuyển cho anh. Do vậy anh không nhất trí trả cho anh L số tiền 3.000.000,đ. Còn đối với chiếc máy cày và chiếc máy cưa lóc, nay ly hôn, nếu tài sản trên không còn thì chị H có trách nhiệm thanh toán cho anh tổng số tiền cho cả hai tài sản trên là 19.000.000,đ. Nếu các tài sản trên còn thì chị H có trách nhiệm trả cho anh nguyên vẹn các tài sản trên.

- Về công nợ chung: Trong hôn nhân vợ chồng không vay hay cho ai vay tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, anh Bàn Văn L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Anh Nông Văn V là em rể anh và chị Bàn Thị H là em gái anh. Về 01 chiếc máy cày và 01 chiếc máy cưa lóc như anh V trình bày thì hiện nay anh đang sử dụng 01 chiếc máy cày, còn 01 chiếc máy cưa lóc thì đã bị hỏng và đang do anh quản lý. Việc anh lấy các tài sản trên về sử dụng là sau khi em gái và em rể chuyển vào Miền Nam sinh sống thì anh V có gọi điện cho anh là lấy chiếc máy cày và chiếc máy cưa lóc của vợ chồng họ về sử dụng và nói với anh là: Anh em trong nhà nếu không dùng đến cũng hỏng nên nói giá chiếc máy cày và chiếc máy cưa lóc với giá tổng giá trị là 8.000.000,đ và anh đã trả cho anh V số tiền 3.000.000,đ. Số tiền còn lại anh còn nợ vợ chồng họ là 5.000.000,đ. Hiện nay chiếc máy cày anh đang sử dụng có giá trị còn lại khoảng 8.000.000,đ; còn chiếc máy cưa lóc là máy Trung Quốc giá trị còn lại không còn. Nay anh V yêu cầu lấy lại chiếc máy cày và chiếc máy cưa lóc thì anh trả lại các tài sản trên cho vợ chồng họ và anh V trả lại cho anh số tiền 3.000.000,đ. Anh không nhất trí với giá trị của chiếc máy cày và chiếc máy cưa lóc mà anh V đã đưa ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo trình tự pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều được Thẩm phán thu thập đúng trình tự, thủ tục luật định. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 217 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015

(BLTTDS 2015); các điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình (LHNGĐ) đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Bàn Thị H; không xem xét giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn; nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Bàn Thị H có hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn và anh Nông Văn V đã chuyển khẩu đến xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông từ ngày 31/12/2019 (Biên bản xác minh ngày 25/6/2020). Các đương sự đều thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn là nơi nguyên đơn cư trú, làm việc giải quyết. Nội dung vấn đề cần giải quyết là ly hôn; quyền nuôi con chung, nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn thụ lý giải quyết vụ án “Hôn nhân gia đình” là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Sau ngày Tòa án nhận đơn khởi kiện, bị đơn đã viết bản tự khai và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bị đơn trong các giai đoạn tố tụng tiếp theo cho đến khi giải quyết xong vụ án. Những người tham gia tố tụng có mặt và Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa giải quyết vắng mặt bị đơn. Việc bị đơn xin vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện N tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 là có căn cứ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh V xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã L theo giấy Trích lục kết hôn số 37/TLKH-BS ngày 19/02/2019 của UBND xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; do mâu thuẫn gia đình chị H đã sống ly thân với anh V từ năm 2017 đến nay. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị H với anh V là hợp pháp; tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, bị đơn nhất trí ly hôn. Do vậy, cho chị H được ly hôn với anh V là có căn cứ.

[3] Về con chung: Trong hôn nhân chị H và anh V, sinh được 01 con chung là Nông Văn Đ, sinh ngày 0x/xx/20xx. Hiện nay con chung đang ở với anh V tại thôn x, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nay ly hôn, chị H nhất trí với nguyện vọng của anh V để anh V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Đ và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V. Anh V đã có nhà và quyền sử dụng đất tại thôn x, xã Đ, huyện Đ; con chung đang ở và gắn bó với anh V đã từ lâu; chị H không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, nên nguyện vọng của anh V về nuôi con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh là phù hợp. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao con chung cho anh Nông Văn V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn là phù hợp và ghi nhận sự tự nguyện của anh V về việc không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung con cho anh V. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Mặc dù các đương sự khai không thống nhất nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ghi nhận

việc chị H không yêu cầu lưu cư tại ngôi nhà của vợ chồng họ tại thôn X, xã S sau ly hôn.

- Đối với 01 chiếc máy cày và 01 chiếc máy cưa lóc hiện nay anh Bàn Văn L đang cất giữ, sử dụng được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên được xác định là tài sản chung của vợ chồng. Giữa các đương sự không nhất được giá trị tài sản; không thống nhất được quyền và nghĩa vụ trả lại tài sản; quyền và nghĩa vụ đối trừ với số tiền đã trả 3.000.000,đ của anh Bàn Văn L, do bị đơn có yêu cầu phản tố. Đã quá thời gian theo quy định (Theo biên bản tổng đạt thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, thông báo nộp tiền chi phí tố tụng lập ngày 27/8/2020) bị đơn không nộp tiền tạm ứng án phí; tiền tạm ứng định giá tài sản mà không có lý do chính đáng, nên yêu cầu phản tố của bị đơn không được xem xét, giải quyết. Sau này anh V có tranh chấp về các tài sản trên thì sẽ được giải quyết trong một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về tài sản riêng không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về công nợ chung, riêng: Không có nên không xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích trên, xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn; anh Nông Văn V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi; ghi nhận việc anh Nông Văn V không yêu cầu chị Hương phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V. Tài sản chung không yêu cầu nên không được xem xét giải quyết. Sau này anh V có tranh chấp về 01 chiếc máy cày, 01 chiếc máy cưa lóc thì sẽ được giải quyết trong một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bản sao giấy chứng nhận hộ nghèo của nguyên đơn chưa có xác nhận hộ nghèo năm 2020 của UBND xã. Do vậy, theo quy định tại của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng; các Điều luật áp dụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 60 và Điều 63 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39 và các Điều 147, 192, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị H về việc xin ly hôn với anh Nông Văn V.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bàn Thị H được ly hôn với anh Nông Văn V.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Bàn Thị H với anh Nông Văn V chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Anh Nông Văn V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Nông Văn Đ, sinh ngày 0x/xx/20xx đến khi con chung đủ 18 tuổi (Hiện nay con Nông Văn Đ đang ở với anh V tại thôn x, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông). Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nông Văn V về việc không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản riêng: Không có nên không xem xét giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết.


Sau này anh Nông Văn V có tranh chấp đối với 01 chiếc máy cày, 01 chiếc máy cưa lóc thì sẽ được giải quyết trong một vụ án dân sự khác khi họ có yêu cầu.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Bàn Thị H không yêu cầu lưu cư tại ngôi nhà của vợ chồng họ tại thôn X, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn sau khi ly hôn.

4. Về án phí: Chị Bàn Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06864 ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Án xử công khai sơ thẩm. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã nơi họ cư trú./.

Nơi nhận:

- Các Đương Sự;
- VKS nhân dân huyện;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- UBND xã S;
- THADS huyện;
- Lưu HSVA, VP  .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

TRẦN QUANG HÒA